

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6573/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn triển khai cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cơ sở y tế “Xanh-Sạch-Đẹp”;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn triển khai cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

Điều 2. Hướng dẫn triển khai cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho tất cả cơ sở y tế trên phạm vi toàn quốc.

Căn cứ vào Hướng dẫn này và điều kiện cụ thể tại đơn vị, thủ trưởng các cơ sở y tế xây dựng hướng dẫn thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp phù hợp để thực hiện tại đơn vị

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Công đoàn ngành y tế VN;
- Y tế các bộ, ngành;
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục QLMTYT;
- Lưu: VT, MT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Tiến

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CƠ SỞ Y TẾ XANH-SẠCH-ĐẸP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6573/QĐ-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Mục đích: Hướng dẫn này giúp các cơ sở y tế (sau đây gọi tắt là CSYT) thực hiện các nội dung để đáp ứng tiêu chí cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp tại đơn vị. Đồng thời giúp các cơ quan quản lý nhà nước làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

Đối tượng áp dụng: Hướng dẫn này áp dụng đối với các cơ sở y tế trên phạm vi toàn quốc; các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nội dung: Hướng dẫn này gồm 2 phần

- Hướng dẫn triển khai các tiêu chí cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.
- Hướng dẫn đánh giá theo các tiêu chí cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

A. HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÁC TIÊU CHÍ CƠ SỞ Y TẾ XANH-SẠCH-ĐẸP

Trên cơ sở Bộ tiêu chí CSYT xanh-sạch-đẹp được ban hành tại Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch triển khai cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp, Bộ Y tế hướng dẫn triển khai CSYT xanh-sạch-đẹp để đáp ứng các tiêu chí như sau:

I. Xây dựng CSYT đáp ứng nội dung “Xanh”

1. Các khoa, phòng có cây xanh (kể cả cây cảnh) và được sắp xếp phù hợp.

1.1. Có cây xanh:

Có cây xanh ở hành lang/đường đi chung của các khoa phòng, với số lượng phù hợp với không gian chung.

Đối với các khoa/phòng có sân, đất trống phải trồng cây xanh, thảm cỏ phù hợp theo quy hoạch của đơn vị.

1.2. Sắp xếp phù hợp:

Cây xanh được trồng, đặt tạo không gian xanh, mát nhưng không ảnh hưởng đến các hoạt động, an toàn của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh hoặc khách hàng sử dụng dịch vụ y tế và tuân thủ các quy định về an toàn sinh học, kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. CSYT có sơ đồ quy hoạch tổng thể và chi tiết việc trồng cây. Hàng năm có bổ sung cây xanh theo kế hoạch.

- Tổ chức khảo sát và đánh giá hiện trạng cây xanh/cây cảnh của từng khoa phòng và các khu vực chung như hành lang, cầu thang, khuôn viên.

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổng thể về việc bổ sung cây xanh (có thể xây dựng kế hoạch trong 5 năm). Nội dung kế hoạch cần nêu rõ số lượng cây xanh, chậu hoa/cây cảnh cần bổ sung hoặc thay thế hàng năm. Lập sơ đồ vị trí trồng cây hoặc vị trí đặt chậu hoa cây, cảnh.

- Thực hiện trồng cây, đặt chậu hoa/cây cảnh theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

- Định kỳ kiểm tra, rà soát để thực hiện và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

3. CSYT có công viên/vườn hoa/bãi cỏ trong khuôn viên

Diện tích công viên, vườn hoa, hoặc bãi cỏ trong khuôn viên CSYT đảm bảo tối thiểu 5% tổng diện tích của CSYT

Công viên/vườn hoa/bãi cỏ phù hợp với quy hoạch tổng thể của cơ sở y tế

4. Bố trí chậu hoa, cây cảnh tại các khu vực tiếp đón, phòng chờ, hành lang...Vườn hoa, cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên.

Khu vực tiếp đón, phòng chờ có cây xanh, số lượng phù hợp với không gian chung

Đối với các nơi có sân, đất trống, trồng cây xanh, thảm cỏ phù hợp theo quy hoạch.

Thực hiện chăm sóc, cắt tỉa hoa, cây cảnh, thảm cỏ thường xuyên và sắp xếp gọn gàng, hợp lý.

II. Xây dựng CSYT đáp ứng nội dung “Sạch”

1. Có đầy đủ nước ăn uống, nước sinh hoạt hợp vệ sinh

- Cung cấp đủ nước ăn uống, nước sinh hoạt đảm bảo liên tục 24/24h (đối với cơ sở y tế có giường bệnh theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 365: 2007; đối với cơ sở y tế khác đảm bảo tối thiểu 120 lít/người.ngày)

- Các vị trí cấp nước ăn uống, sinh hoạt đảm bảo thuận tiện, dễ tiếp cận cho việc sử dụng.

- Nước dùng cho ăn uống tại CSYT phải đáp ứng các quy định QCVN 01: 2009/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần đối với các chỉ tiêu A, B và 1 năm /lần đối với các chỉ tiêu C.

- Chất lượng nước dùng cho mục đích sinh hoạt thực hiện theo QCVN 02: 2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt

- Các CSYT dùng một nguồn nước cho cả 2 mục đích ăn uống, sinh hoạt chỉ cần kiểm tra theo QCVN 01: 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

- Nếu CSYT sử dụng máy lọc nước hoặc bình nước uống trực tiếp thì phải kiểm tra thường xuyên, chất lượng nước phải đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 6-1: 2010/BYT “Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai”.

2. Mỗi khoa/phòng có khu vệ sinh riêng cho người bệnh, người nhà người bệnh, cán bộ y tế và khách hàng sử dụng dịch vụ y tế (đối với trạm y tế phải có nhà tiêu hợp vệ sinh)

- Đối với các bệnh viện: khu vệ sinh tại CSYT khi xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 365: 2007 Bệnh viện đa khoa - hướng dẫn thiết kế quy định về số lượng, diện tích các nhà vệ sinh trong các bệnh viện.

- Đối với các trạm y tế: nhà tiêu hợp vệ sinh theo QCVN 01:2011/BYT quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

- Đối với các cơ sở đào tạo áp dụng theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định về công tác y tế trường học

- Đối với các CSYT khác áp dụng theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

- Buồng vệ sinh có hướng dẫn sử dụng phù hợp

3. Khu vệ sinh có phòng riêng cho Nam, Nữ

Khu vệ sinh công cộng có chia phòng Nam, Nữ và gắn rõ biển.

4. Khu vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi

Trong khu vực nhà vệ sinh không có rác, bụi bẩn, bệ tiêu, bệ tiểu không dính đọng phân, nước tiểu; không bốc mùi khai, hôi thối

5. Sàn khu vệ sinh sạch, không đọng nước, không trơn trượt

Sàn đảm bảo sạch sẽ, không có vũng nước đọng, rãnh nước đọng, không có rêu, không trơn trượt.

6. Khu vệ sinh có sẵn giấy vệ sinh, thùng đựng chất thải

- Bố trí đủ giấy vệ sinh cho nhân viên y tế, người đến khám, chữa bệnh hoặc khách hàng sử dụng dịch vụ y tế

- Mỗi buồng vệ sinh có thùng đựng chất thải sinh hoạt có lót túi, có nắp đậy. Chất thải được thu gom ít nhất ngày 1 lần và khi đầy. Thùng đựng chất thải được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

7. Khu vệ sinh có bồn rửa tay và xà phòng hoặc dung dịch rửa tay, có gương

Khu vệ sinh có bồn/chậu rửa tay có nước thường xuyên, không rò rỉ, không cấu bẩn; đầy đủ xà phòng hoặc dung dịch rửa tay; có gương.

8. Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh. Có bảng hướng dẫn rửa tay cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh và khách hàng sử dụng dịch vụ y tế

- Có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh chung ở vị trí dễ quan sát.

- Có bảng hướng dẫn rửa tay thường quy tại vị trí bồn/chậu rửa tay.

9. Có nhân viên dọn khu vệ sinh và nhân viên giám sát thường xuyên tối thiểu ngày 2 lần và khi cần

CSYT phải phân công cụ thể người làm vệ sinh khu vệ sinh và có sổ theo dõi được ghi chép và giám sát hàng ngày.

10. Tại các khu vực, khoa phòng, buồng bệnh: trần nhà, tường nhà sạch, không mạng nhện, rêu mốc. Sàn nhà sạch sẽ, không trơn trượt, không đọng nước. Hành lang, cầu thang sạch, không có chất thải rơi vãi.

11. Khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang đảm bảo thông khí và đủ ánh sáng



Thông khí và ánh sáng tại khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang áp dụng theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

12. Khu vực ngoại cảnh: sân vườn được vệ sinh, thu gom chất thải sạch, không có nước đọng

13. Bố trí đủ thùng đựng chất thải tại sân vườn, các khoa/phòng, khu vực hành lang chung

CSYT bố trí đầy đủ thùng có lót túi đựng chất thải sinh hoạt, kích thước phù hợp tại từng vị trí, chất thải được thu gom ít nhất ngày 1 lần và khi đầy, thùng được vệ sinh sạch sẽ.

14. Người bệnh, người nhà người bệnh phối hợp với cán bộ y tế tham gia thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp.

CSYT tuyên truyền vận động bằng các hình thức: Có thông báo, phổ biến, phát tờ rơi cho người bệnh, người nhà người bệnh cùng tham gia dọn vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh.

Người bệnh, người nhà người bệnh tham gia các hoạt động vệ sinh chung tại buồng bệnh, các khoa phòng, CSYT; tham gia trồng và chăm sóc cây xanh.

III. Xây dựng CSYT đáp ứng nội dung “Quản lý chất thải y tế”

1. Có đủ túi, thùng đựng chất thải y tế theo quy định

- Các khoa phòng bố trí vị trí phù hợp để đặt túi, thùng đựng chất thải, tại nơi đặt túi, thùng có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Đựng trong thùng/hộp kháng thủng có màu vàng;

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

- Chất thải giải phẫu: Đựng trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen;

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: Đựng trong các dụng cụ có nắp đậy kín;

- Chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu xanh;

- Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng (nếu CSYT thu gom chất thải tái chế).

- Tất cả các loại túi/thùng phải được cung cấp đủ để sẵn sàng thay thế ngay khi cần.

2. Phân loại đúng chất thải y tế

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh;

- Từng loại chất thải y tế phải phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phù hợp theo quy định. Trường hợp các chất thải y tế nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và áp dụng cùng một phương pháp xử lý có thể được phân loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa;

- Khi chất thải lây nhiễm đề lẫn với chất thải khác hoặc ngược lại thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm.

3. Có khu lưu giữ các loại chất thải y tế và thực hiện lưu giữ chất thải y tế

3.1. Lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên CSYT

- Chất thải y tế phát sinh tại các khoa, phòng được lưu giữ tại các phòng chứa tạm thời trước khi được thu gom và chuyển đến kho lưu giữ. Mỗi khoa, phòng cần bố trí nơi lưu giữ tạm thời chất thải, có đủ phương tiện để lưu giữ tập trung các chất thải theo từng loại chất thải.

- Nếu không có phòng chứa tạm thời, chất thải có thể được lưu giữ tại vị trí được chỉ định gần các khoa, phòng đó nhưng cách xa khu vực người bệnh và lối đi chung.

3.2. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại tại khu lưu giữ chất thải

- Có thành cứng, không bị bụi vỡ, rò rỉ dịch thải trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Có biểu tượng loại chất thải lưu giữ theo quy định hiện hành.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật;

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất thải phải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn. Trường hợp lưu chứa hóa chất thải ở dạng lỏng phải có nắp đậy kín để chống bay hơi và tràn đổ chất thải.

3.3 Lưu giữ chất thải tại khu lưu giữ

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT.

- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phải lưu giữ riêng trừ trường hợp các loại chất thải này áp dụng cùng một phương pháp xử lý.

- Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế và chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế được lưu giữ riêng.

3.4. Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm

- Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại CSYT, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại CSYT không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với CSYT có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ

không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín;

- Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ CSYT khác về để xử lý theo mô hình cụm hoặc mô hình tập trung, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

4. Chất thải y tế được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

4.1. Thu gom chất thải

* Thu gom chất thải lây nhiễm

- Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT;

- Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom;

- CSYT quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong CSYT;

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên CSYT;

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT ít nhất 01 (một) lần/ngày;

- Đối với các CSYT có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên CSYT hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

* Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT;

- Thu gom chất hàn răng amalgam thải và thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân: Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

* Thu gom chất thải y tế thông thường: Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế và chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế được thu gom riêng.

4.2. Vận chuyển chất thải y tế

* Tuyến đường vận chuyển

Tuyến thu gom và vận chuyển nên sử dụng lối đi riêng biệt, càng xa nơi tập trung đông người càng tốt. Tuyến thu gom và tuyến vận chuyển phải cố định.

Quá trình thu gom được thực hiện bắt đầu từ khu vực nhạy cảm nhất (khu chăm sóc đặc biệt, khu lọc máu...) theo một lộ trình cố định đến các khu vực ít nhạy cảm hơn rồi đến kho lưu giữ. Tuyệt đối tránh vận chuyển chất thải qua các khu vực chăm sóc người

bệnh và các khu vực công cộng trong CSYT.

* Thời gian vận chuyển

Thời gian vận chuyển được bố trí hợp lý, thực hiện vào thời điểm ít người qua lại, ngoài giờ hành chính, tránh thời điểm tập trung đông người bệnh và người nhà.

* Phương tiện vận chuyển

Yêu cầu về xe vận chuyển chất thải trong các CSYT như sau:

- Xe vận chuyển các chất thải phải đảm bảo các tiêu chuẩn: Có thành, có nắp, có đáy kín, dễ cho chất thải vào, dễ lấy chất thải ra, dễ làm sạch, dễ tẩy uế, dễ làm khô.
- Dễ dàng chất tải và dỡ bỏ chất thải;
- Không có cạnh sắc nhọn có thể làm hỏng túi đựng chất thải hoặc bao gói trong quá trình bốc dỡ;
- Dễ dàng để làm sạch;
- Được dán nhãn và sử dụng riêng cho một loại chất thải;
- Dễ dàng đẩy, kéo;
- Không quá cao (để tránh hạn chế tầm nhìn của nhân viên vận chuyển chất thải);
- Xe vận chuyển chất thải y tế nguy hại phải được khóa lại khi không sử dụng;
- Có kích thước phù hợp với khối lượng chất thải phát sinh tại CSYT.

* Nhân viên vận chuyển phải tuân thủ thực hiện các nội dung sau:

- Nhân viên vận chuyển chất thải phải được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ như quần áo, găng tay, kính, mũ và khẩu trang. Chất thải nguy hại và không nguy hại phải được vận chuyển riêng.

- Không được phép bung, bê đê vận chuyển chất thải, đặc biệt là chất thải độc hại, do nguy cơ xảy ra tai nạn hoặc các thương tích do vật dụng chứa chất thải lây nhiễm, hoặc chất thải sắc nhọn xử lý không đúng cách nhô ra khỏi thùng chứa gây ra.

- Người vận chuyển không được chất quá đầy chất thải trong xe, không được gây rò rỉ hoặc rơi vãi chất thải trên đường vận chuyển. Nếu để nước thải hoặc chất thải rơi vãi trên đường vận chuyển, người vận chuyển phải dừng xe tiến hành xử lý, thu gom và làm sạch, khử khuẩn ngay sau khi xảy ra sự cố.

- Trường hợp vận chuyển chất thải bằng thang máy, nhân viên vận chuyển không được để nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và sinh viên đi cùng. Thang máy sau mỗi lần vận chuyển phải được lau khử khuẩn toàn bộ bề mặt buồng thang máy.

- Nhân viên vận chuyển chất thải tiến hành bàn giao cho nhân viên tiếp nhận chất thải về số lượng túi, hộp chất thải và trọng lượng của từng loại chất thải. Riêng chất thải là nhau thai bàn giao theo số lượng nhau thai. Thai chết lưu được thực hiện vận chuyển và bàn giao như đối với quy định về xử lý thi hài.

- Nhân viên vận chuyển phải được trang bị quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính và găng tay trong suốt quá trình vận chuyển. Xe vận chuyển chất thải y tế phải được làm sạch và khử trùng hàng ngày.

4.3. Xử lý chất thải rắn y tế

* Xử lý đối với chất thải

Chất thải y tế nguy hại phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.



*** Lựa chọn công nghệ**

Ưu tiên lựa chọn các công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường và bảo đảm xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

5. Quản lý chất thải tái chế đúng quy định

- Các chất thải là các vật liệu không có chứa thành phần nguy hại; không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc Chứa đựng các loại thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất là những chất thải được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế.

- Bao bì lưu chứa chất thải phải được buộc kín và có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư Liên tịch số: 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải phục vụ mục đích tái chế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư Liên tịch số: 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

6. Xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

- Hệ thống thu gom nước thải y tế tại CSYT phải đảm bảo kín, không có mùi hôi thối.

- Nước thải y tế phải quản lý, xử lý theo nội dung của một trong các văn bản sau của đơn vị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận và các quy định hiện hành của Bộ Y tế như báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản

- Nước thải trước khi thải ra môi trường phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A hoặc B tùy thuộc vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thực hiện lấy mẫu đánh giá chất lượng nước thải y tế 03 tháng/1 lần.

IV. Xây dựng CSYT đáp ứng nội dung “Đẹp”

1. Bố trí ghế ngồi, thuận tiện cho người bệnh và người nhà người bệnh. Phòng chờ có tranh ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

- Phòng đón tiếp, phòng chờ cần được bố trí ghế ngồi để người bệnh người nhà người chờ đến lượt khám. Ghế ngồi cần có đủ chỗ cho tối thiểu 10% số lượt người bệnh đến khám trung bình trong một ngày (dựa trên số liệu tổng lượt khám trung bình trong ngày).

- Phòng tiếp đón, phòng chờ phải thoáng gió, đủ sáng, tạo sự thoải mái cho người bệnh và người nhà người bệnh khi chờ khám.

- Tại phòng chờ có tranh, ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường và được treo hoặc để ở giá, tủ gọn gàng ngăn nắp tại vị trí phù hợp.

2. Trần nhà, tường nhà, cửa, cổng, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi sạch đẹp.

- Trần nhà, tường nhà, hành lang, cầu thang, cửa, công sạch sẽ, không rêu mốc, bụi bẩn, được sơn màu hoặc quét vôi phù hợp, sạch đẹp.

- Đối với khu vực khám, điều trị cho trẻ em, trang trí tường, hành lang, cầu thang phù hợp (ví dụ: bố trí khu vui chơi, đồ chơi, sơn hoặc vẽ tranh tường nhiều màu sắc...).

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi, bảo trì, sửa chữa sớm và khắc phục kịp thời trần nhà, tường nhà, cửa, công, hành lang, cầu thang khi có bong tróc, hỏng hóc.

3. Sắp xếp, bố trí khu vực để xe cho cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh thuận tiện

- CSYT bố trí khu vực để xe cho cán bộ y tế và khu vực để xe cho người bệnh và người nhà người bệnh riêng biệt.

- Mỗi khu vực phải có biển báo ghi rõ “Khu vực để xe cho cán bộ y tế” hoặc “Khu vực để xe cho người bệnh và người nhà người bệnh”.

- Xe được sắp xếp theo hàng để thuận tiện lấy ra hoặc xếp vào.

- Nhân viên trông xe hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh để xe đúng khu vực đã quy định.

4. Chăn, ga gối, quần áo người bệnh, giường tủ trong các khoa, phòng sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp.

- CSYT cung cấp đầy đủ các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối, quần áo sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần.

- Bảo đảm mỗi giường bệnh có 1 tủ đầu giường. Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen ỉa, hỏng hóc.

- Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.

5. Cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh mang trang phục CSYT theo đúng quy định, được thay đúng lịch và khi cần.

- Cán bộ y tế mang trang phục, biển hiệu theo đúng quy định.

- Người bệnh được trang bị trang phục phù hợp theo quy định.

- Đảm bảo trang phục của CBYT, người bệnh luôn sạch sẽ, văn minh, được thay đúng lịch và khi cần.

6. Có treo băng rôn khẩu hiệu CSYT xanh-sạch-đẹp

- Băng rôn rõ ràng, sạch, đẹp.

- Băng rôn được treo ở vị trí dễ quan sát.

V. Nội dung về tổ chức triển khai

1. Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban chỉ đạo của đơn vị, trong đó có bổ sung nhiệm vụ, thực hiện nội dung Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp

- Giám đốc/ Người đứng đầu cơ sở y tế ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo để thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp. Ban chỉ đạo có thể thành lập riêng hoặc lồng ghép

vào với Ban chỉ đạo thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Thành phần của Ban chỉ đạo: Giám đốc/ Người đứng đầu cơ sở y tế làm Trưởng ban, Chủ tịch Công đoàn của cơ sở y tế làm Phó trưởng ban, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, lãnh đạo khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, lãnh đạo phòng Hành chính Quản trị, Lãnh đạo một số khoa, phòng, ban và tương đương có liên quan tham gia thành viên. Trong danh sách các thành viên phải ghi rõ nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.

- Ban Chỉ đạo của đơn vị có nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai kế hoạch chi tiết theo sự hướng dẫn của Ban Chỉ đạo cấp trên, phù hợp với đặc thù từng đơn vị. Một số nhiệm vụ cụ thể:

+ Chỉ đạo lập kế hoạch tổ chức cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

+ Lập kế hoạch tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong cơ sở y tế.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện việc triển khai. Định kỳ kiểm điểm, rà soát và điều chỉnh kế hoạch; thực hiện sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị/cá nhân thực hiện tốt phong trào.

+ Họp định kỳ ít nhất 2 lần/năm để đánh giá, sơ, tổng kết kết quả triển khai kế hoạch xanh-sạch-đẹp; rút kinh nghiệm, thảo luận về các bổ sung, điều chỉnh cần thiết trong kế hoạch và xây dựng các hoạt động cụ thể của Kế hoạch cho năm tiếp theo.

+ Khi có những thay đổi so với kế hoạch xây dựng đầu năm, cần họp Ban chỉ đạo thảo luận về các bổ sung, điều chỉnh cần thiết trong kế hoạch.

2. Có tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ nhân viên triển khai Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp

- Cơ sở y tế cần lập kế hoạch tập huấn cho cán bộ, nhân viên y tế của đơn vị. Kế hoạch cần nêu rõ đối tượng được tập huấn, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức tập huấn.

- Cơ sở y tế có thể tự tổ chức tập huấn cho các cán bộ y tế trong đơn vị hoặc mời đơn vị có năng lực tổ chức tập huấn.

- Nội dung tập huấn phải thể hiện đầy đủ các nội dung xanh, sạch, đẹp, quản lý chất thải, tổ chức thực hiện trong bộ tiêu chí đánh giá.

- Đảm bảo 100% nhân viên y tế được tham gia tập huấn.

3. Có triển khai các hoạt động truyền thông thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp

- Có thông báo tới tất cả khoa /phòng và tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp

- In ấn, tài liệu, tờ rơi, tranh ảnh liên quan đến nội dung xanh-sạch-đẹp

- Phát động phong trào liên quan đến các nội dung xanh-sạch-đẹp tại cơ sở.

- Phát động thi đua tới các khoa/phòng của cơ sở y tế thực hiện phong trào xanh-sạch-đẹp.

- Tổ chức hội thảo, hội nghị hoặc ngày hội xanh-sạch-đẹp.



4. Có kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp

- Các cơ sở y tế định kỳ kiểm tra giám sát tối thiểu 03 tháng 1 lần và có Biên bản kiểm tra, giám sát.
- Thực hiện sơ kết 06 tháng 1 lần và có Biên bản sơ kết
- Thực hiện tổng kết 1 năm/1 lần và có Biên bản tổng kết.
- Khen thưởng tổ chức/hoặc cá nhân thực hiện tốt và có thành tích trong thực hiện cơ sở xanh-sạch-đẹp.

5. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo quy định

- CSYT thực hiện quan trắc môi trường theo Thông tư số: 31/2013/TT -BYT Quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện hoặc các văn bản, quy định hiện hành (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, cam kết bảo vệ môi trường).
- CSYT thực hiện quan trắc môi trường lao động theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

VI. Nội dung cộng đồng

1. Có sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên

- Sử dụng năng lượng mặt trời để làm nóng hoặc đun nước

2. Có tiết kiệm năng lượng

- Sử dụng ánh sáng trời hoặc thông gió tự nhiên
- Có quy định và thường xuyên kiểm tra thực hiện Tiết kiệm điện, nước
- Sử dụng bóng đèn hoặc các trang thiết bị tiết kiệm điện

3. Có giảm phát sinh chất thải

- Sử dụng thiết bị y tế điện tử để thay thế thiết bị y tế chứa thủy ngân (Nhiệt kế, huyết áp kế).
- Thay thế một số hóa chất nguy hại bằng các hóa chất không nguy hại thân thiện với môi trường.
- Các sáng kiến của đơn vị

4. Có nhà vệ sinh, đường đi dành cho người khuyết tật

- Xây dựng, lắp đặt các thiết bị vệ sinh phù hợp cho người già, người khuyết tật
- Đường đi, hành lang, cầu thang được thiết kế, lắp đặt thiết bị hỗ trợ cho người già, người khuyết tật

5. Thực hiện CSYT “Không khói thuốc lá”

Có quy định về việc thực hiện CSYT không khói thuốc; có biển cấm hút thuốc trong bệnh viện. Có báo cáo việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có)

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CƠ SỞ Y TẾ XANH-SẠCH-ĐẸP

I. Phương pháp đánh giá

- Tổng điểm đánh giá là: 100 điểm
- Điểm mỗi tiêu chí bằng điểm tổng các tiêu mục trong tiêu chí.
- Điểm của cơ sở đạt được là tổng điểm của các tiêu chí.
 - + Mức 1 - Tốt: đạt mức điểm từ 85 - 100 điểm
 - + Mức 2 - Khá: đạt mức điểm từ 65 - 84 điểm
 - + Mức 3 - Trung bình: đạt mức điểm từ 50- 64 điểm
 - + Mức 4 - Không đạt: đạt mức điểm < 50 điểm hoặc CSYT bị lập biên bản vi phạm hành chính về môi trường.

II. Bảng kiểm đánh giá các tiêu chí

Gồm có 2 bảng kiểm áp dụng cho 2 nhóm cơ sở y tế:

1. Bảng kiểm số 1: Áp dụng cho các bệnh viện, viện có giường bệnh, phòng khám và trạm y tế xã

2. Bảng kiểm số 2: Áp dụng cho các cơ sở y tế dự phòng và cơ sở y tế khác

**Bảng kiểm số 1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ
CƠ SỞ Y TẾ XANH-SẠCH-ĐẸP
(Áp dụng cho các bệnh viện, viện có giường bệnh, phòng khám
và trạm y tế xã)**

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|--|-----------------|-----------|
| I | NỘI DUNG XANH | 15 | |
| 1 | Các khoa, phòng có cây xanh (kể cả cây cảnh) và được sắp xếp phù hợp: Có cây xanh ở hành lang/đường đi chung, cây xanh ở các khoa/phòng với số lượng và sắp xếp phù hợp) | 5 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 3 |
| | | Từ 50% đến <80% | 4 |
| | | Từ 80-100 % | 5 |
| 2 | CSYT có sơ đồ quy hoạch tổng thể và chi tiết việc trồng cây. Hàng năm có bổ sung cây xanh theo kế hoạch | 2 | |
| - | Có sơ đồ quy hoạch trồng cây, đánh dấu vị trí trồng cây/ đặt cây cảnh. | 1 | |
| - | Sơ đồ thể hiện rõ việc hàng năm bổ sung cây xanh theo kế hoạch | 1 | |
| 3 | CSYT có công viên/vườn hoa/bãi cỏ trong khuôn viên | 4 | |
| - | Tỷ lệ diện tích công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng khuôn viên cơ sở y tế | Dưới 5% | 1 |
| | | Từ 5% đến 10% | 2 |
| | | Trên 10% | 3 |
| - | Công viên/vườn hoa/bãi cỏ phù hợp với quy hoạch tổng thể của cơ sở y tế | 1 | |
| 4 | Bố trí chậu hoa, cây cảnh tại các khu vực tiếp đón, sảnh chờ, hành lang chung...Vườn hoa, cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên | 4 | |
| - | Khu vực đón tiếp, sảnh chờ, hành lang chung có đặt chậu hoa hoặc cây cảnh | 2 | |
| - | Các chậu hoa cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên và sắp xếp gọn gàng, hợp lý | 2 | |
| II | NỘI DUNG SẠCH | 35 | |
| 1 | Có đầy đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh | 2 | |
| - | Cung cấp đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh liên tục 24/24h: - Nước sử dụng ăn uống hoặc vừa sử dụng ăn uống và sinh hoạt đạt QCVN 01: 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống. - Nếu CSYT sử dụng máy lọc nước hoặc bình nước uống trực tiếp thì phải kiểm tra thường xuyên, chất lượng nước phải đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 6-1: 2010/BYT “Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai” | 1,5 | |
| - | Kiểm tra định kỳ nước sử dụng cho ăn uống, sinh hoạt đủ 3 tháng/lần đối với các chỉ tiêu A, B và 1 năm /lần đối với các chỉ | 0,5 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----|---|-----------------|-----------|
| | tiêu C | | |
| 2 | Mỗi khoa/phòng có khu vệ sinh cho người bệnh, người nhà người bệnh và khu vệ sinh cho cán bộ y tế riêng biệt (đối với trạm y tế phải có nhà tiêu hợp vệ sinh): Khu vệ sinh luôn mở cửa và sẵn sàng để sử dụng 24/24h. Buồng vệ sinh có hướng dẫn sử dụng phù hợp | 4 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 2 |
| | | Từ 50% đến <80% | 3 |
| | | Từ 80-100% | 4 |
| 3 | Khu vệ sinh có phòng riêng cho Nam, Nữ và có gắn biển | 2 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 |
| | | Từ 80-100% | 2 |
| 4 | Khu vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi: Trong khu vực nhà vệ sinh không có rác, bụi bẩn, bệ tiêu, bệ tiểu không dính đọng phân, nước tiểu; không bốc mùi khai, hôi thối | 3 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| | | Từ 80-100% | 3 |
| 5 | Sàn khu vệ sinh sạch, không đọng nước, không trơn trượt, không rêu mốc | 2 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 0,5 |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 |
| | | Từ 80-100% | 2 |
| 6 | Khu vệ sinh có sẵn giấy vệ sinh, thùng đựng chất thải: Bố trí đủ giấy vệ sinh cho người bệnh, người nhà người bệnh. Tất cả khu vệ sinh có thùng đựng chất thải sinh hoạt, có nắp đậy và vệ sinh thùng thường xuyên | 4 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 2 |
| | | Từ 50% đến <80% | 3 |
| | | Từ 80-100% | 4 |
| 7 | Khu vệ sinh có bồn rửa tay và xà phòng hoặc dung dịch rửa tay, có gương | 3 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| | | Từ 80-100% | 3 |
| 8 | Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh. Có bảng hướng dẫn rửa tay cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh: Có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh chung ở vị trí dễ quan sát; có bảng hướng dẫn rửa tay thường quy tại vị trí bồn/chậu rửa tay | 2 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 0,5 |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 |
| | | Từ 80-100% | 2 |
| 9 | Có nhân viên dọn nhà vệ sinh và nhân viên giám sát thường | 2 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|------------|--|-----------------|-------------|-----------|
| | xuyên tối thiểu ngày 2 lần và khi cần: CSYT phải có phân công cụ thể người làm vệ sinh khu vệ sinh và có sổ theo dõi được ghi chép và giám sát hàng ngày | | | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |
| 10 | Tại các khu vực, khoa phòng, buồng bệnh: trần nhà, tường nhà sạch, không mạng nhện, rêu mốc. Sàn nhà sạch sẽ, không trơn trượt, không đọng nước. Hành lang, cầu thang sạch, không có chất thải rơi vãi | | 2 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |
| 11 | Khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang đảm bảo thông khí và đủ ánh sáng: Thông khí và ánh sáng tại khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang áp dụng theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động | | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 | |
| | | Từ 80-100% | 3 | |
| 12 | Khu vực ngoại cảnh: sân vườn được vệ sinh, thu gom chất thải sạch, không có nước đọng. | | 2 | |
| - | Sân vườn được vệ sinh sạch sẽ, không có chất thải | | 1 | |
| - | Sân vườn không đọng nước, trơn trượt | | 1 | |
| 13 | Bố trí đủ thùng đựng chất thải tại sân vườn, khu vực hành lang chung | | 2 | |
| - | CSYT bố trí đầy đủ thùng có lót túi, có nắp đậy, đúng màu sắc, biểu tượng chất thải theo quy định | | 1 | |
| - | Chất thải được thu gom ít nhất ngày 1 lần và khi đầy, thùng được vệ sinh sạch sẽ | | 1 | |
| 14 | Người bệnh, người nhà người bệnh phối hợp với cán bộ y tế tham gia thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp | | 2 | |
| - | Có thông báo/tờ rơi/bảng tin thông báo, tuyên truyền cho người bệnh, người nhà người bệnh cùng tham gia thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp | | 1 | |
| - | Có sự tham gia của người nhà, người bệnh vào các phong trào chung tay vệ sinh môi trường tại bệnh viện | | 1 | |
| III | NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ | | 25 | |
| 1 | Có đủ túi, thùng đựng chất thải y tế theo quy định: | | 4 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|---|-----------------|-----------|
| | Từ 50% đến <70% | 2 | |
| | Từ 70% đến <90% | 3 | |
| | Từ 90-100% | 4 | |
| 2 | Phân loại đúng các loại chất thải y tế | 4 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <70% | 2 |
| | | Từ 70% đến <90% | 3 |
| | | Từ 90-100% | 4 |
| 3 | Có khu lưu giữ các loại chất thải y tế và thực hiện lưu giữ đúng quy định | 4 | |
| - | Có khu lưu giữ cho các loại chất thải y tế khác nhau theo đúng quy định; có biển báo và mã chất thải theo quy định | 2 | |
| - | Trang bị đủ dụng cụ lưu chứa các loại chất thải y tế theo đúng quy định | 1 | |
| - | Lưu giữ các loại chất thải y tế theo đúng thời gian quy định | 1 | |
| 4 | Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định | 4 | |
| - | Thu gom, vận chuyển chất thải y tế đúng quy định | 1 | |
| - | Xử lý chất thải y tế đúng quy định | 3 | |
| 5 | Quản lý chất thải tái chế đúng quy định | 4 | |
| - | Có quy định danh mục chất thải được tái chế | 0,5 | |
| - | Có hướng dẫn phân loại, thu gom chất thải tái chế tại khoa/phòng | 0,5 | |
| - | Thực hiện quản lý chất thải tái chế đúng quy định | | |
| | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| | | Từ 80-100% | 3 |
| 6 | Xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 5 | |
| - | Hệ thống thu gom nước thải của CSYT kín, không có mùi hôi thối. | 0,5 | |
| - | Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải | 4 | |
| - | Xét nghiệm nước thải y tế đủ theo định kỳ 4 lần/năm | 0,5 | |
| IV | NỘI DUNG ĐẸP | 15 | |
| 1 | Bố trí ghế ngồi thuận tiện cho người bệnh và người nhà người bệnh. Phòng chờ có tranh ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường | 3 | |
| - | Bố trí ghế ngồi, thuận tiện cho người bệnh và người nhà người bệnh. | 1 | |
| - | Phòng chờ có tranh, ảnh, sách báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường và được treo hoặc để ở giá, tủ gọn gàng ngăn nắp tại vị trí phù hợp. | 1 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|----------|---|-----------------|-----------|
| - | Phòng tiếp đón, phòng chờ phải thoáng gió, đủ sáng, tạo sự thoải mái cho người bệnh và người nhà người bệnh khi chờ khám | 1 | |
| 2 | Trần nhà, tường nhà, cửa, cổng, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi sạch đẹp | 2 | |
| - | Trần tường nhà được định kỳ sơn hoặc quét vôi phù hợp sạch đẹp, không rêu mốc, bụi bẩn. | 0,5 | |
| - | Cửa cổng, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi | 0,5 | |
| - | Thường xuyên kiểm tra theo dõi, bảo trì, khắc phục kịp thời trần nhà, tường nhà, cửa, cổng, hành lang, cầu thang khi có bong tróc, hỏng hóc | 1 | |
| 3 | Sắp xếp, bố trí khu vực để xe cho cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh thuận tiện | 2 | |
| - | Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và được sắp xếp gọn gàng | 1 | |
| - | Có khu vực riêng để xe cho người bệnh và người nhà người bệnh và được sắp xếp gọn gàng | 1 | |
| 4 | Chăn, ga gối, quần áo người bệnh, giường tủ trong các khoa, phòng sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp: + CSYT đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối, quần áo luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần. + Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc + Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| - | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| - | | Từ 80-100% | 3 |
| 5 | Cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh mang trang phục CSYT theo đúng quy định, được thay đúng lịch và khi cần: + Cán bộ y tế mang trang phục, biểu hiệu theo đúng quy định + Người bệnh và người nhà người bệnh được trang bị trang phục phù hợp theo quy định + Đảm bảo trang phục của CBYT, người bệnh luôn sạch sẽ, văn minh, được thay đúng lịch và khi cần | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| - | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| - | | Từ 80-100% | 3 |
| 6 | Có treo băng rôn khẩu hiệu CSYT "Xanh, Sạch, Đẹp" | 2 | |
| - | Băng rôn rõ ràng, sạch, đẹp | 1 | |
| - | Băng rôn được treo ở vị trí dễ quan sát | 1 | |
| V | NỘI DUNG VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI | 5 | |
| 1 | Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban chỉ đạo của đơn vị, trong đó có bổ sung nhiệm vụ, thực hiện nội dung | 1 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|---|-------------|-----------|
| | Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | | |
| - | Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban chỉ đạo và có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên | 0,5 | |
| - | Có Kế hoạch triển khai CSYT xanh-sạch-đẹp được phê duyệt | 0,5 | |
| 2 | Có tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ nhân viên triển khai Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có kế hoạch và tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ, nhân viên y tế và đối tượng liên quan | 0,5 | |
| - | Có tài liệu tập huấn | 0,5 | |
| 3 | Có triển khai các hoạt động truyền thông thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | - Có thông báo tới tất cả khoa /phòng và tổ chức truyền thông thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp. - Có in ấn, tài liệu, tờ rơi, tranh ảnh liên quan đến nội dung xanh-sạch-đẹp | 0,5 | |
| - | Có phát động thi đua tới các khoa/phòng, có tổ chức hội thảo, hội nghị hoặc ngày hội xanh-sạch-đẹp | 0,5 | |
| 4 | Có kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện việc triển khai. Định kỳ kiểm điểm, rà soát và điều chỉnh kế hoạch; | 0,5 | |
| - | Có thực hiện sơ kết 06 tháng/lần, tổng kết 1 năm/lần. Có khen thưởng tổ chức/hoặc cá nhân thực hiện tốt và có thành tích trong thực hiện cơ sở xanh-sạch-đẹp | 0,5 | |
| 5 | Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo quy định | 1 | |
| VI | NỘI DUNG CỘNG ĐIỂM | 5 | |
| 1 | Có sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên: Sử dụng năng lượng mặt trời để đun nước | 1 | |
| 2 | Có tiết kiệm năng lượng | 1 | |
| - | Có quy định và thường xuyên kiểm tra thực hiện tiết kiệm điện, nước | 0,5 | |
| - | Sử dụng bóng đèn, các trang thiết bị tiết kiệm điện hoặc sử dụng ánh sáng trời hoặc thông gió tự nhiên | 0,5 | |
| 3 | Có giảm phát sinh chất thải | 1 | |
| - | Sử dụng thiết bị y tế điện tử để thay thế thiết bị y tế chứa thủy ngân (Nhiệt kế, huyết áp kế). | 0,5 | |
| - | Thay thế một số hóa chất nguy hại bằng các hóa chất không nguy hại thân thiện với môi trường. | 0,5 | |
| 4 | Có nhà vệ sinh, đường đi dành cho người khuyết tật | 1 | |
| - | Xây dựng, lắp đặt các thiết bị vệ sinh phù hợp cho người già, người khuyết tật | 0,5 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|------------|---|--------------------|------------------|
| - | Đường đi, hành lang, cầu thang được thiết kế, lắp đặt thiết bị hỗ trợ cho người già, người khuyết tật | 0,5 | |
| 5 | Thực hiện CSYT “Không khói thuốc lá” | 1 | |
| | Có quy định về việc thực hiện CSYT không khói thuốc; có biển cấm hút thuốc trong bệnh viện | 0,5 | |
| | Có báo cáo việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) | 0,5 | |
| | TỔNG | 100 | |

www.LuatVietnam.vn

**Bảng kiểm số 2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ
CƠ SỞ Y TẾ XANH – SẠCH – ĐẸP
(Áp dụng đối với các cơ sở Y tế dự phòng và cơ sở y tế khác)**

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|--|-----------------|-----------|
| I | NỘI DUNG XANH | 15 | |
| 1 | Các khoa, phòng có cây xanh (kể cả cây cảnh) và được sắp xếp phù hợp | 5 | |
| - | Số khoa/ phòng đạt | Dưới 50% | 3 |
| | | Từ 50% đến <80% | 4 |
| | | Từ 80-100 % | 5 |
| 2 | CSYT có sơ đồ quy hoạch tổng thể và chi tiết việc trồng cây. Hàng năm có bổ sung cây xanh theo kế hoạch | 2 | |
| - | Có sơ đồ quy hoạch trồng cây, đánh dấu vị trí trồng cây/ đặt cây cảnh. | 1 | |
| - | Sơ đồ thể hiện rõ việc hàng năm bổ sung cây xanh theo kế hoạch | 1 | |
| 3 | CSYT có công viên/vườn hoa/bãi cỏ trong khuôn viên | 4 | |
| - | Tỷ lệ diện tích công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng khuôn viên cơ sở y tế | Dưới 5% | 1 |
| | | Từ 5% đến 10% | 2 |
| | | Trên 10% | 3 |
| - | Công viên/vườn hoa/bãi cỏ phù hợp với quy hoạch tổng thể của cơ sở y tế | 1 | |
| 4 | Bố trí chậu hoa, cây cảnh tại các khu vực tiếp đón, sảnh chờ, hành lang chung...Vườn hoa, cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên | 4 | |
| 4.1 | Khu vực đón tiếp, sảnh chờ, hành lang chung có đặt chậu hoa hoặc cây cảnh | 2 | |
| 4.2 | Các chậu hoa cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên và sắp xếp gọn gàng, hợp lý | 2 | |
| II | NỘI DUNG SẠCH | 35 | |
| 1 | Có đầy đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh | 2 | |
| - | Cung cấp đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh liên tục 24/24h: Nước sử dụng ăn uống hoặc vừa sử dụng ăn uống và sinh hoạt đạt QCVN 01: 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống. Nếu CSYT sử dụng máy lọc nước hoặc bình nước uống trực tiếp thì phải kiểm tra thường xuyên, chất lượng nước phải đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 6-1: 2010/BYT “Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai” | 1,5 | |
| - | Kiểm tra định kỳ nước sử dụng cho ăn uống, sinh hoạt đủ 3 tháng/lần đối với các chỉ tiêu A, B và 1 năm /lần đối với các chỉ tiêu C | 0,5 | |
| 2 | Mỗi khoa/phòng có khu vệ sinh cho cán bộ y tế và khách hàng sử dụng dịch vụ y tế: Khu vệ sinh luôn mở cửa và sẵn sàng để sử dụng 24/24h. Buồng vệ sinh có hướng dẫn sử dụng | 4 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|----------|---|-----------------|-------------|-----------|
| | phù hợp | | | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 2 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 3 | |
| | | Từ 80-100% | 4 | |
| 3 | Khu vệ sinh có phòng riêng cho Nam, Nữ và gần biển | | 2 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |
| 4 | Khu vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi: Trong khu vực nhà vệ sinh không có rác, bụi bẩn, bệ tiêu, bệ tiểu không dính đọng phân, nước tiểu; không bốc mùi khai, hôi thối | | 3 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 1 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 | |
| | | Từ 80-100% | 3 | |
| 5 | Sàn khu vệ sinh sạch, không đọng nước, không trơn trượt, không rêu mốc | | 2 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |
| 6 | Khu vệ sinh có sẵn giấy vệ sinh, thùng đựng chất thải: Bố trí đủ giấy vệ sinh cho người bệnh, người nhà người bệnh. Tất cả khu vệ sinh có thùng kín đựng chất thải sinh hoạt, có nắp đậy và vệ sinh thùng thường xuyên | | 4 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 2 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 3 | |
| | | Từ 80-100% | 4 | |
| 7 | Khu vệ sinh có bồn rửa tay và xà phòng hoặc dung dịch rửa tay, có gương | | 3 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 1 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 | |
| | | Từ 80-100% | 3 | |
| 8 | Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh. Có bảng hướng dẫn rửa tay cho nhân viên y tế và khách hàng sử dụng dịch vụ y tế: Có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh chung ở vị trí dễ quan sát; có bảng hướng dẫn rửa tay thường quy tại vị trí bồn/chậu rửa tay | | 2 | |
| - | Số khu vệ sinh đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |
| 9 | Có nhân viên dọn nhà vệ sinh và nhân viên giám sát thường xuyên: CSYT phải có phân công cụ thể người làm vệ sinh khu vệ sinh và có sổ theo dõi được ghi chép và giám sát hàng ngày | | 2 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 | |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 | |
| | | Từ 80-100% | 2 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|------------|--|-----------------|-----------|
| 10 | Tại các khu vực khoa phòng: trần nhà, tường nhà sạch, không mạng nhện, rêu mốc. Sàn nhà sạch sẽ, không trơn trượt, không đọng nước. Hành lang, cầu thang sạch, không có chất thải rơi vãi | 2 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 0,5 |
| | | Từ 50% đến <80% | 1 |
| | | Từ 80-100% | 2 |
| 11 | Khoa, phòng, nhà vệ sinh, hành lang đảm bảo thông khí và đủ ánh sáng: Thông khí và ánh sáng tại khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang áp dụng theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| | | Từ 80-100% | 3 |
| 12 | Khu vực ngoại cảnh: sân vườn được vệ sinh, thu gom chất thải sạch, không có nước đọng. | 2 | |
| - | Sân vườn được vệ sinh sạch sẽ, không có chất thải | 1 | |
| - | Sân vườn không đọng nước, trơn trượt | 1 | |
| 13 | Bố trí đủ thùng đựng chất thải tại sân vườn, khu vực hành lang chung | 2 | |
| - | CSYT bố trí đầy đủ thùng có lót túi, có nắp đậy, đúng màu sắc, biểu tượng chất thải theo quy định | 1 | |
| - | Chất thải được thu gom ít nhất ngày 1 lần và khi đầy, thùng được vệ sinh sạch sẽ | 1 | |
| 14 | Có thông báo/tờ rơi/bảng tin thông báo, tuyên truyền vận động mọi người cùng tham gia thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp | 2 | |
| III | NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ | 25 | |
| 1 | Có đủ túi, thùng đựng chất thải y tế theo quy định | 4 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <70% | 2 |
| | | Từ 70% đến <90% | 3 |
| | | Từ 90-100% | 4 |
| 2 | Phân loại đúng các loại chất thải y tế | 4 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <70% | 2 |
| | | Từ 70% đến <90% | 3 |
| | | Từ 90-100% | 4 |
| 3 | Có khu lưu giữ các loại chất thải y tế và thực hiện lưu giữ đúng quy định | 4 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|--|-----------------|-----------|
| - | Có khu lưu giữ cho các loại chất thải y tế khác nhau theo đúng quy định; có biển báo và mã chất thải theo quy định | 2 | |
| - | Trang bị đủ dụng cụ lưu chứa các loại chất thải y tế theo đúng quy định | 1 | |
| - | Lưu giữ các loại chất thải y tế theo đúng thời gian quy định | 1 | |
| 4 | Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định | 4 | |
| - | Thu gom, vận chuyển chất thải y tế đúng quy định | 1 | |
| - | Xử lý chất thải y tế đúng quy định | 3 | |
| 5 | Quản lý chất thải tái chế đúng quy định | 4 | |
| - | Có quy định danh mục chất thải được tái chế | 0,5 | |
| - | Có hướng dẫn phân loại, thu gom chất thải tái chế tại khoa/phòng | 0,5 | |
| - | Thực hiện quản lý chất thải tái chế đúng quy định | | |
| | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| | | Từ 80-100% | 3 |
| 6 | Xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 5 | |
| - | Hệ thống thu gom nước thải của CSYT kín, không có mùi hôi thối. | 0,5 | |
| - | Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải | 4 | |
| - | Xét nghiệm nước thải y tế đủ theo định kỳ 4 lần/năm | 0,5 | |
| IV | NỘI DUNG ĐẸP | 15 | |
| 1 | Bố trí ghế ngồi thuận tiện cho khách hàng sử dụng dịch vụ y tế. Phòng chờ có tranh ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường | 3 | |
| - | Bố trí ghế ngồi, thuận tiên cho khách hàng sử dụng dịch vụ y tế. | 1 | |
| - | Phòng chờ có tranh, ảnh, sách báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường và được treo hoặc để ở giá, tủ gọn gàng ngăn nắp tại vị trí phù hợp. | 1 | |
| - | Phòng tiếp đón, phòng chờ phải thoáng gió, đủ sáng, tạo sự thoải mái cho khách hàng | 1 | |
| 2 | Trần nhà, tường nhà, cửa, cổng, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi sạch đẹp | 2 | |
| - | Trần tường nhà được định kỳ sơn hoặc quét vôi phù hợp sạch đẹp, không rêu mốc, bụi bẩn. | 0,5 | |
| - | Cửa cổng, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi | 0,5 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|----------|--|-----------------|-----------|
| - | Thường xuyên kiểm tra theo dõi, bảo trì, khắc phục kịp thời trần nhà, tường nhà, cửa, cống, hành lang, cầu thang khi có bong tróc, hỏng hóc | 1 | |
| 3 | Có khu vực để xe cho cán bộ y tế, khách hàng sử dụng dịch vụ y tế | 2 | |
| 4 | Các trang thiết bị trong khoa/phòng được sắp xếp khoa học, gọn gàng, ngăn nắp | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| - | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| - | | Từ 80-100% | 3 |
| 5 | Cán bộ y tế mang trang phục theo đúng quy định | 3 | |
| - | Số khoa/phòng đạt | Dưới 50% | 1 |
| - | | Từ 50% đến <80% | 2 |
| - | | Từ 80-100% | 3 |
| 6 | Có treo băng rôn khẩu hiệu CSYT "Xanh, Sạch, Đẹp" | 2 | |
| - | Băng rôn rõ ràng, sạch, đẹp | 1 | |
| - | Băng rôn được treo ở vị trí dễ quan sát | 1 | |
| V | NỘI DUNG VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI | 5 | |
| 1 | Có Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo của đơn vị, trong đó có bổ sung nhiệm vụ, thực hiện nội dung Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban chỉ đạo và có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên | 0,5 | |
| - | Có Kế hoạch triển khai CSYT xanh-sạch-đẹp được phê duyệt | 0,5 | |
| 2 | Có tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ nhân viên triển khai Kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có kế hoạch và tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ, nhân viên y tế và đối tượng liên quan | 0,5 | |
| - | Có tài liệu tập huấn | 0,5 | |
| 3 | Có triển khai các hoạt động truyền thông thực hiện CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có thông báo tới tất cả khoa /phòng về việc triển khai thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp. Có in ấn, tài liệu, tờ rơi, tranh ảnh liên quan đến nội dung xanh-sạch-đẹp" | 0,5 | |
| - | Có phát động thi đua tới các khoa/phòng, có tổ chức hội thảo, hội nghị hoặc ngày hội xanh-sạch-đẹp | 0,5 | |
| 4 | Có kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện kế hoạch CSYT xanh-sạch-đẹp | 1 | |
| - | Có tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện việc triển khai. Định kỳ kiểm điểm, rà soát và điều chỉnh kế hoạch; | 0,5 | |

| STT | Nội dung tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm chấm |
|-----------|--|-------------|-----------|
| - | Có thực hiện sơ kết 06 tháng/lần, tổng kết 1 năm/lần. Có khen thưởng tổ chức/hoặc cá nhân thực hiện tốt và có thành tích trong thực hiện cơ sở xanh-sạch-đẹp | 0,5 | |
| 5 | Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo quy định | 1 | |
| VI | NỘI DUNG CỘNG ĐIỂM | 5 | |
| 1 | Có sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên: Sử dụng năng lượng mặt trời để đun nước | 1 | |
| 2 | Có tiết kiệm năng lượng | 1 | |
| - | Có quy định và thường xuyên kiểm tra thực hiện tiết kiệm điện, nước | 0,5 | |
| - | Sử dụng bóng đèn, các trang thiết bị tiết kiệm điện hoặc sử dụng ánh sáng trời hoặc thông gió tự nhiên | 0,5 | |
| 3 | Có giảm phát sinh chất thải | 1 | |
| - | Sử dụng thiết bị y tế điện tử để thay thế thiết bị y tế chứa thủy ngân (Nhiệt kế, huyết áp kế). | 0,5 | |
| - | Thay thế một số hóa chất nguy hại bằng các hóa chất không nguy hại thân thiện với môi trường | 0,5 | |
| 4 | Có nhà vệ sinh, đường đi dành cho người khuyết tật | 1 | |
| - | Xây dựng, lắp đặt các thiết bị vệ sinh phù hợp cho người già, người khuyết tật | 0,5 | |
| - | Đường đi, hành lang, cầu thang được thiết kế, lắp đặt thiết bị hỗ trợ cho người già, người khuyết tật | 0,5 | |
| 5 | Thực hiện CSYT “Không khói thuốc lá” | 1 | |
| - | Có quy định về việc thực hiện CSYT không khói thuốc; có biển cấm hút thuốc trong đơn vị | 0,5 | |
| - | Có báo cáo việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) | 0,5 | |
| | TỔNG | 100 | |